

Số: /NQ-HĐND

Kon Rẫy, ngày tháng năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Thông qua bổ sung, điều chỉnh một số vị trí thực hiện dự án trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và cập nhật Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN KON RẪY
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ VII**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về việc lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 16/12/2021; Nghị Quyết số 04/NQ-HĐND ngày 18/04/2022 của HĐND huyện Kon Rẫy về việc thông qua quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Kon Rẫy;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 19/12/2022 của HĐND huyện về việc thông qua Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Kon Rẫy;

Xét Tờ trình số 167TTr-UBND ngày 27/10/2023 của UBND huyện về việc xem xét bổ sung, điều chỉnh các dự án, công trình trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và cập nhật kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum; Báo cáo thẩm tra số 115/BC-BKTXH ngày 02/11/2023 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện; ý kiến thảo luận của Đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất bổ sung, điều chỉnh các dự án, công trình trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và cập nhật kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum, cụ thể:

1. Bổ sung 01 vị trí trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Kon Rẫy và cập nhật kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Kon Rẫy (*chi tiết tại phụ lục số 01 kèm theo*).

2. Điều chỉnh 02 địa điểm, vị trí trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Kon Rẫy và cập nhật kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Kon Rẫy để thực hiện dự án đầu tư xây dựng (*chi tiết tại phụ lục số 02 kèm theo*).

3. Bổ sung, điều chỉnh 20 vị trí từ các loại đất khác sang đất thương mại dịch vụ (TMD) trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Kon Rẫy và cập nhật kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Kon Rẫy để thực hiện xây dựng trạm thu mua nông sản trên địa bàn các xã, thị trấn (*chi tiết tại phụ lục số 03 kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND huyện hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND tỉnh phê duyệt. Đồng thời, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định. Trong quá trình thực hiện, nếu cần thiết phải bổ sung, điều chỉnh, UBND huyện báo cáo Thường trực HĐND huyện để trình HĐND huyện xem xét, quyết định.

2. Giao Thường trực HĐND huyện, các Ban của HĐND huyện, Tổ đại biểu HĐND huyện và các đại biểu HĐND huyện giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này được HĐND huyện Khóa XV, Kỳ họp chuyên đề lần thứ VII thông qua ngày 06 tháng 11 năm 2023./.

Nơi nhận :

- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Các Ban của HĐND huyện;
- Tổ Đại biểu HĐND huyện;
- Các Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- TT HĐND&UBND các xã, thị trấn;
- Lãnh đạo VP và các CV;
- Trang TTĐT huyện;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Quang Thạch

**PHỤ LỤC SỐ 01: BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC, DỰ ÁN BỔ SUNG TRONG QUY HOẠCH
SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021-2030 VÀ CẬP NHẬT KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 HUYỆN KON RẪY**
(Kèm theo Nghị Quyết số /NQ-HĐND ngày / /2023 của HĐND huyện Kon Rẫy)

STT	Tên công trình Trụ sở	Vị trí	Diện tích (ha)	Hiện trạng đất	Loại đất đã quy hoạch	Ghi chú
1	Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng kiểm lâm tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025 (Hạng mục: Xây dựng Hạt Kiểm lâm Kon Rẫy)	Thôn 1, xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy	0,3	Trồng cây hàng năm (NHK)	Đất xây dựng trụ sở cơ quan (TSC)	
TỔNG CỘNG			0,3			

PHỤ LỤC SỐ 02: BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH ĐỊA ĐIỂM, VỊ TRÍ, LOẠI ĐẤT TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021-2030 VÀ CẬP NHẬT KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 HUYỆN KON RẪY

(Kèm theo Nghị Quyết số /NQ-HĐND ngày / /2023 của HĐND huyện Kon Rẫy)

TT	Tên công trình	Vị trí	Diện tích, Quy hoạch được duyệt (ha)	Nội dung điều chỉnh	Nguyên nhân điều chỉnh
1	Mở rộng, nâng cấp nghĩa trang nhân dân huyện Kon Rẫy	Thôn 4, xã Tân Lập	2 ha (Diện tích đã quy hoạch đất NTD: 0,36 ha; đất CLN: 1,64 ha.)	Điều chỉnh vị trí đã quy hoạch đất NTD tại tọa độ A sang vị trí tọa độ B với diện tích 1,64 ha	Quá trình khảo sát tại thực địa, một phần diện tích của dự án theo quy hoạch được duyệt có địa hình độ dốc tự nhiên rất lớn (<i>từ 15%-30%</i>) dẫn đến làm tăng chi phí đầu tư (<i>khối lượng đào đắp lớn, phải xây dựng tường chắn và gia cố mái taluy; công tác thoát nước, tính ổn định không đảm bảo</i>)
2	Mở rộng, nâng cấp nghĩa trang nhân dân Đăk Ruồng - Tân Lập.	Thôn 13, xã Đăk Ruồng	2 ha (Diện tích đã quy hoạch đất NTD 0,73 ha; đất CLN 1,27 ha)	Điều chỉnh vị trí đã quy hoạch đất NTD tại tọa độ C sang vị trí tọa độ D với diện tích 1,27 ha	

* *Ghi chú: Đất NTD: Đất làm nghĩa trang nghĩa địa, nhà tang lễ; Đất CLN: Đất trồng cây lâu năm. Đất SKC: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp. Đất TMD: Đất thương mại dịch vụ.*

A (1) X: 579434 - Y: 1603297; (2) X: 579416 - Y: 1603214; (3) X: 579389 - Y: 1603157; (4) X: 579398 - Y: 1603147;
 B (1) X: 579283 - Y: 1603181; (2) X: 579305 - Y: 1603153; (3) X: 579320 - Y: 1603122; (4) X: 579333 - Y: 1603108;
 C (1) X: 572823 - Y: 1602471; (2) X: 572768 - Y: 1603289; (3) X: 572743 - Y: 1602329; (4) X: 572783 - Y: 1602296;
 D (1) X: 572813 - Y: 1602342; (2) X: 572831 - Y: 1602349; (3) X: 572743 - Y: 1602329; (4) X: 572783 - Y: 1602296;

**PHỤ LỤC SỐ 03: BẢNG TỔNG HỢP CÁC TRẠM THU MUA NÔNG SẢN ĐỀ XUẤT BỔ SUNG,
ĐIỀU CHỈNH TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021-2030 VÀ CẬP NHẬT
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 HUYỆN**

(Kèm theo Nghị Quyết số /NQ-HĐND ngày / /2023 của HĐND huyện Kon Rẫy)

STT	Tên chủ cơ sở	Vị trí	Hiện trạng đề xuất của trạm cân				Loại đất QH đã phê duyệt	Loại đất QH đề nghị
			Tọa độ trung tâm	Diện tích (m ²)	Tuyến đường đầu nối	Hiện trạng sử dụng đất		
I. Xã Đăk Ruồng (04 vị trí)				1.750				
1	Vị trí 1	Thôn 8	X= 571450; Y= 1600849	450	Đường bê tông đi khu sản xuất thôn 8, xã Đăk Ruồng đi thôn 8 xã Đăk Tơ Lung hiện hữu	Đất trồng cây hàng năm (trồng sắn)	Đất ở tại nông thôn	Đất thương mại dịch vụ (TMD)
2	Vị trí 2	Thôn 12	X= 570367; Y= 1596565	400	Đường bê tông nội thôn đi khu sản xuất thôn 12,14, xã Đăk Ruồng hiện hữu	Đất trồng cây lâu năm (cao su)	Đất trồng cây hàng năm	Đất thương mại dịch vụ (TMD)
3	Vị trí 3	Thôn 14	X= 569913; Y= 1595411	450	Đường bê tông nội thôn 14 đầu nối vào đường DH 21 hiện hữu	Đất trồng cây hàng năm (trồng sắn)	Đất ở tại nông thôn	Đất thương mại dịch vụ (TMD)
4	Vị trí 4	Thôn 14	X= 571601; Y= 1596488	450	Đầu nối vào đường DH 21 hiện hữu	Đã xây dựng 01 trạm cân, sân bê tông và 01 nhà cấp 4	Đất trồng cây hàng năm	Đất thương mại dịch vụ (TMD)
II. Xã Đăk Tơ Lung (03 vị trí)				4.500				
5	Vị trí 1	Thôn 4	X=572019; Y=1608812	1.200	Đường đất đi khu sản xuất thôn 3-4 hiện hữu đầu nối vào TL 677	Đất trồng cây hàng năm (trồng sắn)	Đất trồng cây lâu năm	Đất thương mại dịch vụ (TMD)

STT	Tên chủ cơ sở	Vị trí	Hiện trạng đề xuất của trạm cân				Loại đất QH đã phê duyệt	Loại đất QH đề nghị
			Tọa độ trung tâm	Diện tích (m ²)	Tuyến đường đầu nối	Hiện trạng sử dụng đất		
6	Vị trí 2	Thôn 1	X=572604; Y=1607860	2.000	Đường bê tông đi khu sản xuất thôn 1 (đi thác) hiện hữu đầu nối vào TL 677	Đất trồng cây hàng năm (trồng sắn)	Đất trồng cây lâu năm	Đất thương mại dịch vụ (TMD)
7	Vị trí 3	Thôn 8	X=573286; Y=1602930	1.300	Đường đất đi khu sản xuất thôn 8 hiện hữu đầu nối vào TL 677	Đất trồng cây hàng năm (trồng sắn)	Đất ở tại nông thôn	Đất thương mại dịch vụ (TMD)
III. Xã Đăk Pnê (02 vị trí)				3.585				
8	Vị trí 1	Thôn 2	X=578778; Y=1605138	1.444	Đầu nối vào đường DH 22	Đã xây dựng 01 trạm cân, sân bê tông	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC)	Đất thương mại dịch vụ (TMD)
9	Vị trí 2	Thôn 3	X=588705; Y=1603998	2.141	Đường bê tông nội thôn 3	Đã xây dựng 01 trạm cân, sân bê tông	Đất ở tại nông thôn	Đất thương mại dịch vụ (TMD)
IV. Xã Đăk Tô Re (07 vị trí)				2.600				
10	Vị trí 1	Thôn Đăk Pơ Kong	X= 566928; Y= 1595542	300	Đầu nối vào tuyến đường QL 24 cũ	Đã xây dựng 01 trạm cân, sân bê tông	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC)	Đất thương mại dịch vụ (TMD)
11	Vị trí 2	Thôn Kon Săm Lũ	X= 566368; Y= 1592445	300	Đầu nối vào tuyến đường nội thôn Kon Săm Lũ	Đã xây dựng 01 trạm cân, sân bê tông	Đất ở tại nông thôn	Đất thương mại dịch vụ (TMD)

STT	Tên chủ cơ sở	Vị trí	Hiện trạng đề xuất của trạm cân				Loại đất QH đã phê duyệt	Loại đất QH đề nghị
			Tọa độ trung tâm	Diện tích (m ²)	Tuyến đường đầu nối	Hiện trạng sử dụng đất		
12	Vị trí 3	Thôn Đăk Jri	X= 568093; Y= 1595935	400	Đầu nối vào tuyến đường QL 24 cũ	Đã xây dựng 01 trạm cân, sân bê tông	Đất ở tại nông thôn	Đất thương mại dịch vụ (TMD)
13	Vị trí 4	Thôn Đăk Ô Nglăng	X= 567332; Y= 1593556	400	Đầu nối vào tuyến đường nội thôn Đăk Ô Nglăng	Đã xây dựng 01 trạm cân, sân bê tông	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC)	Đất thương mại dịch vụ (TMD)
14	Vị trí 5	Thôn Đăk Pơ Kong	X= 566873; Y= 1595542	400	Đầu nối vào tuyến đường QL 24 cũ	Đất trồng cây hàng năm	Đất ở tại nông thôn	Đất thương mại dịch vụ (TMD)
15	Vị trí 6	Thôn Đăk Jri	X= 566662; Y= 1596944	400	Đầu nối vào tuyến đường nội thôn Đăk Jri	Đất trồng cây lâu năm (cao su)	Đất trồng cây lâu năm	Đất thương mại dịch vụ (TMD)
16	Vị trí 7	Thôn Tam Sơn	X= 568967; Y= 1595600	400	Đầu nối vào tuyến đường bê tông nội thôn Tam Sơn	Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng cây hàng năm	Đất thương mại dịch vụ (TMD)
V. Thị trấn Đăk Rve (01 vị trí)				1.500				
17	Vị trí 1	Thôn 1	X=579970; Y=1603907	1.500	Đầu nối vào đường bê tông hiện trạng	Đất trồng cây lâu năm (cà phê)	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC)	Đất thương mại dịch vụ (TMD)
VI. Xã Tân Lập (03 vị trí)				2.800				

STT	Tên chủ cơ sở	Vị trí	Hiện trạng đề xuất của trạm cân				Loại đất QH đã phê duyệt	Loại đất QH đề nghị
			Tọa độ trung tâm	Diện tích (m ²)	Tuyến đường đầu nối	Hiện trạng sử dụng đất		
18	Vị trí 1	Thôn 3	X= 577535; Y= 1602934	400	Đầu nối vào tuyến đường bê tông đi thôn 6, xã Tân Lập	Đã xây dựng 01 trạm cân, sân bê tông	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC)	Đất thương mại dịch vụ (TMD)
19	Vị trí 2	Thôn 4	X= 577535; Y= 1602934	400	Đầu nối vào tuyến đường QL 24 cũ	Đất trống	Đất trồng cây hàng năm	Đất thương mại dịch vụ (TMD)
20	Vị trí 3	Thôn 3	X= 574709; Y= 1600839	2.000	Đầu nối vào tuyến đường QL 24	Đã xây dựng 01 trạm cân, sân bê tông	Đất ở tại nông thôn	Đất thương mại dịch vụ (TMD)
Tổng diện tích:				16.735				

* Tổng số vị trí đề xuất trạm thu mua nông sản: 20 vị trí.

* Tổng diện tích toàn huyện: 16.735 m² (1.67ha).